TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2026/DS-ST
Ngày: 26/02/2026.
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Vân;

2. Ông Huỳnh Văn Hoàn.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-DS, ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tuyết T, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn:* Ông Thái Ngọc H, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 04/7/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết T trình bày:
Do có quen biết với ông Thái Ngọc H và biết ông H đang cần tiền xây nhà nên tôi có cho ông H vay tổng số tiền là 165.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng, thông qua chuyển khoản tôi có chuyển cho ông H vay các lần như sau:
- Ngày 19/5/2025 cho ông H vay số tiền 35.000.000đ;
- Ngày 20/5/2025 cho ông H vay số tiền 30.000.000đ;
- Ngày 21/5/2025 cho ông H vay số tiền 70.000.000đ;
- Ngày 11/6/2025 cho ông H vay số tiền 30.000.000đ;
Khi cho ông H vay tiền hai bên có thỏa thuận khi nào tôi cần lấy lại tiền thì báo trước cho ông H 01 tuần để ông H trả lại. Tuy nhiên sau khi vay ông H không đóng cho tôi số tiền lãi nào mà cũng không trả tiền vốn theo yêu cầu của tôi. Đã nhiều lần liên hệ yêu

cầu ông H trả lại số tiền vay nhưng ông H cố tình tránh mặt và không trả tiền. Nay tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Thái Ngọc H trả cho tôi số tiền vốn vay là 165.000.000đ, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.
* Bị đơn ông Thái Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.
* Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết T xin rút lại số tiền vay 70.000.000đ bà T cho ông H vay vào ngày 21/5/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Thái Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thái Ngọc H. Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2025 bà Lê Thi Tuyết T yêu cầu ông Thái Ngọc H trả số tiền vay tổng cộng là 165.000.000đ, tuy nhiên tại phiên tòa bà T xin rút lại số tiền 70.000.000đ cho vay ngày 21/5/2025. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự và cũng phù hợp quy định pháp luật, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả số tiền vay 70.000.000đ được bà T chuyển khoản cho ông H vay ngày 21/5/2025.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết T yêu cầu ông Thái Ngọc H trả số tiền vay 95.000.000đ.

Bà T và ông H là bạn bè quen biết qua việc mua bán đất, biết ông H có nhu cầu cần tiền để xây nhà, nên bà T có chuyển khoản cho ông H vay 03 lần tiền là 95.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng, khi nào có nhu cầu lấy lại tiền bà T báo trước cho ông H 01 tuần, ông H sẽ trả lại. Tuy nhiên sau khi vay ông H không trả tiền lãi, cũng không trả tiền vốn mặc dù bà T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông H trả tiền nhưng ông H cố tình tránh mặt và kéo dài thời gian trả nợ, gây ảnh hưởng quyền lợi cho bà T nên bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ông H trả lại cho bà số tiền đã vay.

Xét thấy, thông qua hình thức chuyển khoản tại ngân hàng, bà T dùng số tài khoản của cá nhân bà tên "Lê Thị Tuyết T" có số tài khoản "9927629639" lập tại Ngân hàng V (V1) chuyển khoản vào số tài khoản của ông "Thái Ngọc H" có số tài khoản "0281000600435" được lập tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B. Qua tra cứu sao kê giao dịch tài khoản của ông Thái Ngọc H và bà Lê Thị Tuyết T đối với số tài khoản nêu trên thể hiện: Ngày 19/5/2025, 20/5/2025, 11/6/2025 bà T có dùng số tài khoản cá nhân của bà để chuyển khoản vào số tài khoản của ông Thái Ngọc H số tiền lần lượt là 35.000.000đ, 30.000.000đ và 30.000.000đ. Nội dung chuyển khoản thể hiện "Lê Thi

Tuyết T chuyển tiền; Lê Thị Tuyết T cho mượn đáo hạn thẻ tín dụng". Phía ông Thái Ngọc H đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các lần trong đó nêu rõ yêu cầu và số tiền vay bà T yêu cầu ông H phải trả. Nhưng ông H cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản nêu rõ ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Như vậy ông H đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ để xác định việc giao dịch cho vay tiền giữa bà T và ông H thực tế có phát sinh. Việc ông H vay tiền và vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên cần buộc ông H có nghĩa vụ trả số tiền vay 95.000.000đ cho bà T là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết T, buộc ông Thái Ngọc H phải trả cho bà T số tiền vay 95.000.000đ. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền vay 70.000.000đ bà T yêu cầu ông H phải trả.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết T.

Buộc ông Thái Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Tuyết T số tiền vay 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng).

2/ Đình chỉ giải quyết đối với số tiền vay 70.000.000đ bà Lê Thị Tuyết T yêu cầu ông Thái Ngọc H phải trả.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Về án phí:

- Ông Thái Ngọc H phải chịu 4.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- H1 lại cho bà Lê Thị Tuyết T số tiền 4.125.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004077 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Tuyết T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Thái Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *VKSND KV4 - ĐT;*
- *THADS tỉnh ĐT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kim Thoa